

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Tiểu luận kết thúc học phần

Học phần: Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học

ĐỀ TÀI: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về việc giải quyết vấn đề dân tộc- Liên hệ với những quyết sách của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay.

Giảng viên hướng dẫn : Vũ Thị Thu Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Đỗ Linh

Lớp : K23NHA

Mã sinh viên : 23A4010348

Hà nội, ngày 13 tháng 05 năm 2021

Mục lục

Mở đầu	3
Nội Dung	4
Phần 1. Phần lý luận	4
1.1 Một số vấn đề chung về dân tộc	4
1.2 Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc	5
1.3 Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.....	7
1.4 Khái quát đặc điểm các dân tộc Việt Nam hiện nay	9
1.5 Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	10
1.6 Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	11
1.7 Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	12
Phần 2. Phần liên hệ thực tế và liên hệ bản thân	12
2.1 Liên hệ thực tế	12
2.1.1 Quan điểm của em về vai trò của Đảng và Nhà nước ta trong công việc giải quyết vấn đề biên đảo giữa Việt Nam với Trung Quốc trong thời gian qua	12
2.2 Liên hệ bản thân	14
Kết luận	15
Tài liệu tham khảo	15
Tài liệu tiếng Việt.....	15
Tài liệu trực tuyến	15

Mở đầu

Trong xã hội có rất nhiều dạng quan hệ giữa người với người. Trong đó quan hệ giữa các dân tộc là mối quan hệ cơ bản và có tác động mạnh mẽ và trực tiếp tới bản thân con người nói riêng và của toàn xã hội nói chung. Vì vậy nghiên cứu vấn đề dân tộc là rất cần thiết.

Chủ nghĩa Mác- Lênin và chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu vấn đề dân tộc rất chi tiết, khoa học, có hệ thống và được ứng dụng vào việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chỉ cho chúng ta thấy rằng, khi nào và đâu vấn đề dân tộc không được coi trọng một cách đúng đắn, được vận dụng, xử lý một cách cứng nhắc và giáo điều hoặc bị coi nhẹ thì cách mạng sẽ không chỉ gặp khó khăn mà thậm chí còn bị tổn thất nặng nề. Bài học đó thực sự là bổ ích, cần được ghi nhận và vận dụng vào việc xem xét vấn đề dân tộc trong tình hình hiện nay và trong giai đoạn sắp tới của thời kỳ quá độ khi mà nền kinh tế nước nhà phát triển mạnh mẽ theo hướng thị trường và hội nhập quốc tế, sự phát triển chắc chắn sẽ đem lại cho chúng ta nhiều cơ hội nhưng cũng kéo theo đây Tây những thách thức, nguy cơ và không ít khó khăn.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện đã gặt hái được những thành tựu to lớn; tuy nhiên, bên cạnh đó các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại với thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn; thì vấn đề dân tộc thì vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc lại càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Vì thế, em chọn đề tài: “ Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn

đề dân tộc và sự vận dụng của Đảng trong chính sách dân tộc ở Việt Nam hiện nay ” làm vấn đề nghiên cứu cho chuyên đề Triết học xã hội. Vì thời gian và khả năng tổng hợp tài liệu còn hạn chế nên bài tiểu luận này không thể tránh khỏi những thiếu sót, kính mong Cô bổ sung, góp ý để em hoàn chỉnh bài tiểu luận này. Xin chân thành cảm ơn!

Nội Dung

Phần 1. Phần lý luận

1.1 Một số vấn đề chung về dân tộc

Dân tộc là cộng đồng người ở ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia , trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc. Khái niệm này được hiểu :

Các thành viên cùng dân tộc sử dụng một ngôn ngữ chung (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp nội bộ. Các thành viên cùng chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá, vật chất, tinh thần, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc.

Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc, là một cộng đồng chính trị - xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung như : dân tộc Việt Nam, dân tộc Lào, dân tộc Trung Hoa ...

Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới

Quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường do sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ. Đảng ta nhận định: Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và cường quyền.

Quan hệ sắc tộc, dân tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia , khu vực và quốc Mâu thuẫn , xung đột dân

tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới. Đảng ta nhận định: “ Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp”. Điều này gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội môi trường cho các quốc gia, đe dọa hòa bình, an ninh trật tự khu vực và thế giới.

1.2 Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động xấu đến nỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau cần phải giải quyết.

Dân tộc là vấn đề rộng lớn, bao gồm những quan hệ về tư tưởng chính trị, kinh tế , lãnh thổ , pháp lý , tư tưởng và văn hoá giữa các dân tộc , các nhóm dân tộc và bộ tộc .

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin , dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Mác và Ăngghen đã đặt nền móng tư tưởng cho việc giải quyết vấn đề dân tộc một cách khoa học.

Hình thức cộng đồng dân tộc tiền dân tộc như thị tộc, bộ tộc, bộ lạc. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các dân tộc tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc thi hành chính sách vũ trang xâm lược, cướp bóc, nô dịch các dân tộc nhỏ từ đó xuất hiện vấn đề dân tộc thuộc địa. Mác và Ăngghen nêu lên quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận để nhận thức và giải quyết vấn đề nguồn gốc, bản chất của dân tộc, những quan hệ cơ bản của dân tộc, thái độ của giai cấp công nhân và Đảng của nó về vấn đề dân tộc.

Lênin đã phát triển quan điểm này thành hệ thống toàn diện và sâu sắc về vấn đề dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc. Lênin đã đặt ra một loạt các chính sách có tính nguyên lý và những phương hướng giải quyết các vấn đề dân tộc của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Ở đó các dân tộc đều có quyền bình đẳng và quyền tự quyết về vận mệnh của dân tộc mình trên tinh thần hợp tác và xích lại gần nhau giữa các dân tộc. Đây là sự phát triển, hoàn thiện lý luận chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc của Lênin

Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đồng đều; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lí; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Lênin

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là các dân tộc không phân biệt lớn nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực, trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế; xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật thực hiện trên thực tế. Đây là quyền thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc: quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống

việc lợi dụng quyền tự quyết để can thiệp, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia và quốc tế và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế.

1.3 Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong “ Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa ” của Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc liên quan trực tiếp đến cách mạng Việt Nam và ảnh hưởng đến tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Những nguyên tắc đó là:

Phải phân biệt rõ lợi ích của các giai cấp bị áp bức, bóc lột với lợi ích của giai cấp thống trị. Phân biệt rõ quyền lợi của dân tộc bị áp bức với quyền lợi của các lực lượng đi áp bức. Nhờ giác ngộ được nguyên tắc này mà Hồ Chí Minh đã khác với tất cả các lãnh tụ yêu nước khác của Việt Nam, Người phân tích một cách sâu sắc các giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam; phân tích mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam mà tìm ra phương pháp đúng nhằm giáo dục, tập hợp, tổ chức và lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là một nguyên tắc tư duy chính trị đặc sắc của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn đối với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc của cách mạng Việt Nam.

Gắn kết phong trào công nhân với phong trào giải phóng dân tộc là vấn đề sống còn, là điều kiện tiên quyết trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Tuy nhiên, do hạn chế về điều kiện lịch sử, mà dù thấy được vai trò quan trọng của cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng Lênin vẫn khẳng định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc bị lệ thuộc vào sự thắng lợi của

cách mạng vô sản ở chính quốc: “ Nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng ”. Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử mới đã phân tích sâu sắc tình hình thuộc địa, nhất là tình hình cách mạng Việt Nam mà khẳng định và thực hiện: cách mạng giải phóng dân tộc nếu được tiến hành một cách chủ động, sáng tạo thì có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Qua nghiên cứu Luận cương, Người đã hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba. Đồng thời, vận dụng sáng tạo Luận cương của Lênin, khẳng định con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã phát triển thêm Luận cương của Lênin cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Trung thành với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh có nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng; đó là những luận điểm cơ bản chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc trên thế giới Khi Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Khi Tổ quốc độc lập, tự do. Người cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng mối quan hệ mới tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người rất quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục tàn dư phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Người quan tâm xây dựng đội ngũ các bộ làm công tác dân tộc.

Lên án, vạch trần mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Tóm lại, tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lenin vào Việt Nam, Hồ Chí Minh tuyên bố: Độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của mỗi dân tộc và đưa ra chân lý sáng ngời của thời đại “ Không có gì quý hơn độc lập tự do ”. Người đề cao dân tộc nhưng không hạ thấp giai cấp, chủ trương kết hợp nhuần nhuyễn các vấn đề dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước truyền thống với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng vừa giành độc lập cho dân tộc mình, vừa giành độc lập cho dân tộc bạn. Người đặt cách mạng Việt Nam vào dòng chảy của cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận cấu thành của cả ba bộ phận cấu thành của sức mạnh thời đại (phong trào Xã hội chủ nghĩa, phong trào Giải phóng dân tộc, sự phát triển của Khoa học kỹ thuật và Công nghệ) ... Những luận điểm của Người về vấn đề dân tộc đều tập trung đỉnh cao nhất là sự thống nhất giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1.4 Khái quát đặc điểm các dân tộc Việt Nam hiện nay

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc Việt Nam có các đặc trưng sau:

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất. Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Các dân tộc Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết, thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo. Không có dân tộc thiểu số nào cư trú duy nhất trên một địa bàn mà không xen kẽ với một dân

tộc khác. Nhiều tỉnh miền núi các dân tộc thiểu số chiếm đa số dân như Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu...

Ba là, các dân tộc ở nước ta có qui mô dân số và trình độ phát triển không đồng đều. Theo số liệu điều tra dân số năm 1992, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có 65,9 triệu người, chiếm 86,2 % dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có 10,5 triệu người, chiếm 13,8 dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số cũng chênh lệch. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều.

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam. Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam.

1.5 Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tắt yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là trong thời kỳ quá độ còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo; thời kỳ quá độ còn nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn là chủ đạo còn phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ

phúc lợi xã hội; thời kỳ quá độ vẫn còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, song quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa không giữ vai trò thống trị.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

1.6 Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, Dân giàu, nước mạnh dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, Do nhân dân lao động làm chủ.

Ba là, Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Bốn là, Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là, Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Bảy là, Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là, Có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

1.7 Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ về công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Phần 2. Phần liên hệ thực tế và liên hệ bản thân

2.1 Liên hệ thực tế

2.1.1 Quan điểm của em về vai trò của Đảng và Nhà nước ta trong công việc giải quyết vấn đề biển đảo giữa Việt Nam với Trung Quốc trong thời gian qua

Quan điểm của Đảng: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập

quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế”.

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết những mâu thuẫn trên biên hiện nay là thực hiện tốt phương châm: Bốn không, bốn tránh, chín K, bốn giữ vững.

Bốn không: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Bốn tránh: tránh xung đột, tránh đối đầu, tránh bị cô lập về chính trị, tránh bị lệ thuộc về chính trị.

Chín K: kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không để nước ngoài lấn chiếm và không để xảy ra xung đột, đụng độ, không nổ súng trước.

Bốn giữ vững: giữ vững chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển; giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Trung; giữ vững ổn định chính trị trong nước.

Quan điểm của em về vai trò của Đảng

Đảng đã có những quan điểm đúng đắn, nắm vững và quán triệt sâu sắc, vận dụng có nguyên tắc, linh hoạt, sáng tạo chủ trương và đường lối bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và đường lối đối ngoại độc lập, bình đẳng, hòa bình và hợp tác phát triển trong việc giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ.

Đảng đã có đường lối đúng đắn phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương và tranh thủ

sự ủng hộ của nhân dân. Đàm phán các vấn đề biên giới, lãnh thổ liên quan đến nhiều lĩnh vực, phương diện, như luật pháp, kỹ thuật, lịch sử, chính trị - ngoại giao, thông tin tuyên truyền... và có thể tác động trực tiếp đến sự ổn định cũng như đời sống của cư dân.

Việc giải quyết vấn đề chủ quyền quốc gia, biên giới, lãnh thổ có mối quan hệ khăng khít với quan hệ chính trị giữa Việt Nam và các nước có liên quan cũng như bối cảnh khu vực và quốc tế, giúp Việt Nam nhận được sự ủng hộ và tin tưởng trên quốc tế.

2.2 Liên hệ bản thân

Thuộc thế hệ trẻ của đất nước, đặc biệt là sinh viên em cần có trách nhiệm:

Tăng cường học tập, nghiên cứu, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chủ quyền biển, đảo, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo.

Chú trọng xây dựng quyết tâm cao, định hướng hành động thiết thực trong thanh niên đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển.

Xây dựng và quảng bá thương hiệu biển Việt Nam.

Góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào học các ngành nghề liên quan tới biển, đảo.

Sẵn sàng chiến đấu bảo vệ đất nước.

Kết luận

Tóm lại chủ nghĩa Mác- Lênin và chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu vấn đề dân tộc rất chi tiết, khoa học, có hệ thống và được ứng dụng vào việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và có đường lối đúng đắn trong việc giữ ổn định đất nước và phát triển kinh tế và đặc biệt là giữ vững lãnh thổ biển đảo.

Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trước âm mưu của thù địch.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

Bài tập Chủ nghĩa xã hội khoa học. Khoa lý luận chính trị - Học Viện Ngân Hàng - Lưu hành nội bộ 2021.

Tài liệu trực tuyến

<https://123docz.net/document/4394938-quan-diem-cua-chu-nghia-mac-lenin-ve-van-de-dan-toc-va-su-van-dung-cua-dang-trong-chinh-sach-dan-toc-o-viet-nam-hien-nay.htm>

<https://baotayninh.vn/quan-diem-cua-dang-ta-ve-giai-quyet-van-de-bien-dong-hien-nay-a116933.html>

